

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP VNTT

Số 02, Đường Tiên Phong 03, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP VNTT

Bình Dương, ngày 4 tháng 5 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi trách nhiệm	1
Điều 2. Tên Doanh nghiệp.....	1
Điều 3. Trụ sở chính của Công ty.....	1
Điều 4. Mục tiêu và Ngành, nghề kinh doanh.....	1
Điều 5. Địa vị pháp lý và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 6. Người đại diện theo pháp luật.....	2
Điều 7: Con dấu	3
CHƯƠNG II. VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY.....	3
Điều 8. Vốn điều lệ.....	3
Điều 9. Thực hiện góp vốn thành lập Công ty.....	3
Điều 10: Thay đổi vốn điều lệ	3
Điều 11. Quyền của chủ sở hữu Công ty.....	4
Điều 12. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty.....	4
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY	5
Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý	5
Điều 14. Hội đồng thành viên.....	5
Điều 15. Tổng giám đốc	6
Điều 16. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty	7
CHƯƠNG IV. KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....	7
Điều 17. Năm tài chính.....	7
Điều 18. Sổ sách kế toán – báo cáo tài chính	7
CHƯƠNG V. THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ.....	7
Điều 19. Thành lập.....	7
Điều 20. Giải thể và thanh lý tài sản của Công ty	7
CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	8
Điều 21. Hiệu lực của Điều lệ	8
Điều 22. Điều khoản cuối cùng	8



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP VNTT

Chủ sở hữu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM.**

Mã số doanh nghiệp: 3700861497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/01/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/04/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 VSIP II, Đường số 1, Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274. 2220222 Website : www.vntt.com.vn

Nay quyết định thành lập **CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP VNTT** (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động tuân theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các điều khoản sau đây của Bản điều lệ này.

CHƯƠNG I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 2. Tên Doanh nghiệp.

Tên Công ty viết bằng Tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP VNTT**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VNTT Solutions Company Limited**

Tên Công ty viết tắt: **VNTTS**

Điều 3. Trụ sở chính của Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số : Số 02, Đường Tiên Phong 03, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điều 4. Mục tiêu và Ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Kinh doanh có lãi;
- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu;
- Hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao.

2. Ngành nghề kinh doanh



Stt	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Xuất bản phần mềm	5820	X
2	Lập trình máy vi tính	6201	
3	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	
4	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209	
5	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động có liên quan	6311	
6	Cổng thông tin	6312	
7	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	
8	Hoạt động tư vấn quản lý	7020	
9	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490	

Điều 5. Địa vị pháp lý và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, là đơn vị hạch toán độc lập, có con dấu riêng, tài khoản ngân hàng và tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
2. Thời hạn hoạt động của Công ty là: 99 năm kể từ ngày thành lập và được phép hoạt động theo quy định của luật pháp.
3. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.



Điều 7: Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng thành viên Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG II. VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 8. Vốn điều lệ

1. Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty là do chủ sở hữu Công ty đóng góp.
2. Vốn điều lệ của Công ty là : **25.000.000.000 đồng** (Hai mươi lăm tỷ đồng).

Điều 9. Thực hiện góp vốn thành lập Công ty

1. Vốn điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ Công ty.
2. Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
3. Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, chủ sở hữu Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. Trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh trong thời gian trước khi Công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ.
4. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ.

Điều 10: Thay đổi vốn điều lệ

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của Công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu;
 - b. Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này.



2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu Công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.
3. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ hoặc chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Quyền của chủ sở hữu Công ty.

1. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên.
4. Chấp thuận để Hội đồng thành viên tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
5. Quyết định dự án đầu tư phát triển.
6. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
7. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và các hợp đồng khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
8. Thông qua báo cáo tài chính của công ty.
9. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu.
10. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.
11. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.
12. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.
13. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.
14. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.
15. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty

1. Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.
2. Tuân thủ Điều lệ công ty.
3. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty với tài sản của công ty



4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, hợp đồng, giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.
5. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.
6. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
7. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý

- Hội đồng thành viên
- Tổng giám đốc

Điều 14. Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có từ 03 đến 07 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng thành viên cụ thể sẽ do Chủ sở hữu quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của Hội đồng thành viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Chủ tịch Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm. Nhiệm kỳ, quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 56 và quy định khác có liên quan của Luật Doanh nghiệp.
4. Thẩm quyền, cách thức triệu tập họp Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 57 của Luật Doanh nghiệp.
5. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên dự họp. Mỗi thành viên Hội đồng thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau. Hội đồng thành viên có thể thông qua nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.



6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có trên 50% số thành viên dự họp tán thành hoặc số thành viên dự họp sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty phải được ít nhất 75% số thành viên dự họp tán thành hoặc số thành viên dự họp sở hữu từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên tán thành. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày ghi tại nghị quyết, quyết định đó.
7. Cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Tổng giám đốc

1. Hội đồng thành viên bổ nhiệm Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
2. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d. Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
 - f. Ký hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
 - g. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
 - h. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;
 - i. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Tuyển dụng lao động; .
 - k. Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty và hợp đồng lao động.
- l. Tổng giám đốc phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - m. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - n. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định.



Điều 16. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty

1. Người quản lý Công ty được hưởng thù lao hoặc tiền lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
2. Chủ sở hữu Công ty quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác Hội đồng thành viên. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG IV. KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Điều 17. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 18. Sổ sách kế toán – báo cáo tài chính

1. Sổ sách kế toán của Công ty đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định pháp luật hiện hành.
2. Cuối mỗi năm tài chính, Công ty sẽ lập bản báo cáo tài chính để trình cho chủ sở hữu xem xét.
3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ được gửi đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thống kê có thẩm quyền.

CHƯƠNG V. THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 19. Thành lập

1. Công ty được thành lập sau khi Bản điều lệ này được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập Công ty đều được ghi vào mục chi phí của Công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên.

Điều 20. Giải thể và thanh lý tài sản của Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo quyết định của chủ sở hữu Công ty đối với Công ty;



- c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 22. Điều khoản cuối cùng

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
2. Trong trường hợp điều lệ này có điều khoản trái pháp luật hoặc dẫn đến việc thi hành trái pháp luật, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được Chủ sở hữu Công ty xem xét sửa đổi.
3. Khi muốn sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ này, chủ sở hữu Công ty sẽ quyết định.
4. Bản điều lệ này đã được chủ sở hữu Công ty xem xét từng chương, từng điều và ký tên.
5. Bản điều lệ này gồm 06 chương, 22 điều, được lập thành 03 bản có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 01 bản lưu trữ tại trụ sở Công ty, 01 bản do chủ sở hữu giữ.
6. Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu Công ty.

Bình Dương, Ngày 4 tháng 5 năm 2021

Chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nams



Giang Quốc Dũng

